

Ý niệm cảm xúc trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt

Phạm Thị Hương Quỳnh*

Nhận ngày 8 tháng 11 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 01 năm 2025.

Tóm tắt: Ý niệm cảm xúc luôn có tính phổ quát trong cuộc sống con người. Bài viết tìm hiểu về hai ẩn dụ ý niệm là CẢM XÚC LÀ NƯỚC, CẢM XÚC LÀ LỬA trên tư liệu là thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Cùng một miền đích được chiếu xạ bởi hai miền nguồn khác nhau biểu đạt các cung bậc cảm xúc của con người. Các cảm xúc như: vui, buồn, giận dữ, chờ mong, thất thường, ngăn cấm được chiếu xạ bởi miền nguồn NƯỚC; các cảm xúc nhớ mong, nguội lạnh, yêu thương, thù địch, tức giận được chiếu xạ bởi miền nguồn LỬA. Có hai cảm xúc giống nhau là tức giận và mong cùng được miền nguồn NƯỚC, LỬA chiếu xạ song chúng ở các cung bậc khác nhau. Những cảm xúc còn lại là khác nhau. Điều này cho thấy dù có cùng chiếu xạ đến một miền đích thì mỗi miền nguồn lại chiếu xạ đến miền đích những thuộc tính không giống nhau.

Từ khóa: Ý niệm, ẩn dụ ý niệm, cảm xúc, nước, lửa.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: The concept of emotion is always universal in human life. The article explores two conceptual metaphors, which are EMOTION IS WATER, EMOTION IS FIRE based on Vietnamese idioms and proverbs. The same target domain is irradiated by two different source domains expressing human emotional levels. Emotions such as happiness, sadness, anger, anticipation, capriciousness, and prohibition are irradiated by the WATER source domain; the emotions of longing, coldness, love, hostility, and anger are irradiated by the FIRE source domain. There are two similar emotions which are anger and hope are irradiated by the source domain WATER and FIRE, but they are at different levels. The remaining emotions are different. It shows that although they are irradiated to the same target domain, each source domain irradiates different attributes to the target domain.

Keywords: Concept, conceptual metaphor, emotion, water, fire.

Subject classification: Linguistics

1. Đặt vấn đề

Trong quan điểm của tri nhận luận, con người luôn ở vị trí trung tâm của mọi sự tri nhận. Thế giới cảm xúc là một trong những phạm trù cơ bản của con người. Bởi vì mọi tác động từ môi trường xung quanh đều tác động đến chúng ta, tạo nên những trạng thái cảm xúc khác nhau. Chính vì thế mà bài viết này tập trung khảo sát về ý niệm CẢM XÚC để thấy rõ đặc trưng trong cách tư duy của người Việt.

Trong văn hóa của người Việt, có hai yếu tố thuộc âm dương, ngũ hành vô cùng quan trọng đó là nước và lửa. Vì vậy, khi chiếu xạ đến miền đích CẢM XÚC, chúng làm cho miền đích cảm xúc trở nên cụ thể, rõ ràng. Hai miền nguồn tạo nên hai ẩn dụ ý niệm là CẢM XÚC LÀ NƯỚC, CẢM XÚC LÀ LỬA.

Bài viết khảo sát trên tư liệu là thành ngữ, tục ngữ của người Việt. Bởi vì, thành ngữ, tục ngữ có thể coi là trí tuệ của dân gian, không chỉ đúc kết những bài học làm người mà còn

* Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: hqp2000@gmail.com

truyền tải những kinh nghiệm quý giá cho đời sau. Vì vậy, khảo sát trên tư liệu thành ngữ, tục ngữ còn cho phép chúng ta thấy được các giá trị nhân sinh cao đẹp. Thành ngữ được xác định là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh,... “Theo cách hiểu thông thường thì thành ngữ là một loại tổ hợp cố định, bền vững về hình thái - cấu trúc, hoàn chỉnh, bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ” (Hoàng Văn Hành, 2015:19). Ví dụ: *Lăn như trạch* là một thành ngữ, hàm ý của nó biểu đạt sự trốn tránh. Trong ngôn ngữ, thành ngữ tồn tại với tư cách là một cụm cố định tương đương với từ. Thành ngữ cũng có những đặc trưng riêng. Theo Hoàng Văn Hành (2015), đặc trưng của thành ngữ là tính ổn định, cố định về thành phần từ vựng và cấu trúc của thành ngữ hình thành là thói quen sử dụng của người bản ngữ; đặc trưng thứ hai là tính hoàn chỉnh và bóng bẩy về nghĩa. Nó biểu thị những khái niệm hoặc biểu tượng trọn vẹn về các thuộc tính, quá trình hay sự vật.

Tục ngữ trước hết là một hiện tượng văn hoá tinh thần đồng thời là một thể loại văn học dân gian, một hiện tượng ngôn ngữ. Do vậy, tục ngữ là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học dẫn tới tình trạng có nhiều hướng tiếp cận, song song đó là các quan niệm khác nhau về tục ngữ. Theo Chu Xuân Diên: “Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có ý nghĩa hàm súc do nhân dân lao động sáng tạo nên và lưu truyền qua nhiều thế kỉ” (Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Phương Tri, 1993: 244).

Theo Hoàng Tiến Tựu thì: “Tục ngữ là thể loại văn học dân gian nhằm đúc kết kinh nghiệm, tri thức, nêu lên những nhận xét, phán đoán, lời khuyên răn của nhân dân dưới hình thức những câu nói ngắn gọn, giản dị, súc tích, có nhịp điệu, dễ nhớ, dễ truyền” (Hoàng Tiến Tựu, 1999: 109).

Đôi khi, giữa thành ngữ và tục ngữ thường hay bị nhầm lẫn với nhau. Hoàng Văn Hành (2015: 24) đã đưa ra sự phân biệt giữa thành ngữ và tục ngữ như sau: Giữa thành ngữ và tục ngữ khác nhau ở chỗ thành ngữ là những tổ hợp từ đặc biệt, biểu thị những khái niệm một cách bóng bẩy, còn tục ngữ là những câu - ngôn bản đặc biệt, biểu thị những phán đoán một cách nghệ thuật.

Đóng góp mới của bài viết này là khảo sát về một ý niệm cảm xúc trong sự chiếu xạ của hai ý niệm miền nguồn là nước và lửa. Qua đó, chúng ta thấy được ý niệm cảm xúc được chiếu xạ qua các cung bậc khác nhau. Vậy, hai thái cực đối lập là nước và lửa đã đem lại những kết quả chiếu xạ khác nhau.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện bài viết này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

Phương pháp miêu tả: Phương pháp này được dùng để miêu tả về bản đồ ý niệm, về cơ cấu của miền đích cảm xúc, các thuộc tính của miền nguồn nước, lửa và quá trình chiếu xạ ở hai ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ NƯỚC, CẢM XÚC LÀ LỬA. Kết quả sử dụng phương pháp này sẽ cho chúng ta thấy được bức tranh toàn cảnh về thói quen trong nếp nghĩ của người Việt. Thông qua phương pháp này, sự chiếu xạ từ miền nguồn NƯỚC/LỬA sẽ được

tái hiện một cách rõ ràng, miêu tả ở các tia chiếu xạ và ở bản chất của sự chiếu xạ từ miền nguồn đến miền đích.

Phương pháp nghiên cứu định lượng: Thống kê và lượng hóa các thuộc tính của miền nguồn chiếu xạ đến miền đích. Từ con số thống kê mà chúng ta nhận diện được tính đa số của các thuộc tính và xây dựng nên biểu đồ chiếu xạ. Từ đó, phân phân tích các dự dẫn ẩn dự trở nên cụ thể và chính xác. Sự lượng hóa sẽ đem đến những kết quả định tính cho mỗi thuộc tính được chiếu xạ.

Phạm vi tư liệu: Tư liệu khảo sát của bài viết là thành ngữ, tục ngữ trong hai công trình sau đây:

Hoàng Văn Hành (2015), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Nguyễn Đức Dương (2010), *Từ điển Tục ngữ Việt*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn tư liệu được chọn từ hai công trình này là bởi vì hai đây là hai công trình tổng hợp khá đầy đủ về thành ngữ, tục ngữ Việt Nam. Tác giả Hoàng Văn Hành và Nguyễn Đức Dương cũng có rất nhiều đóng góp khoa học đáng quý. Hai công trình này có tính khả tín ở Việt Nam. Tư liệu khảo sát này là đáng tin cậy.

3. Một số khái niệm cơ bản

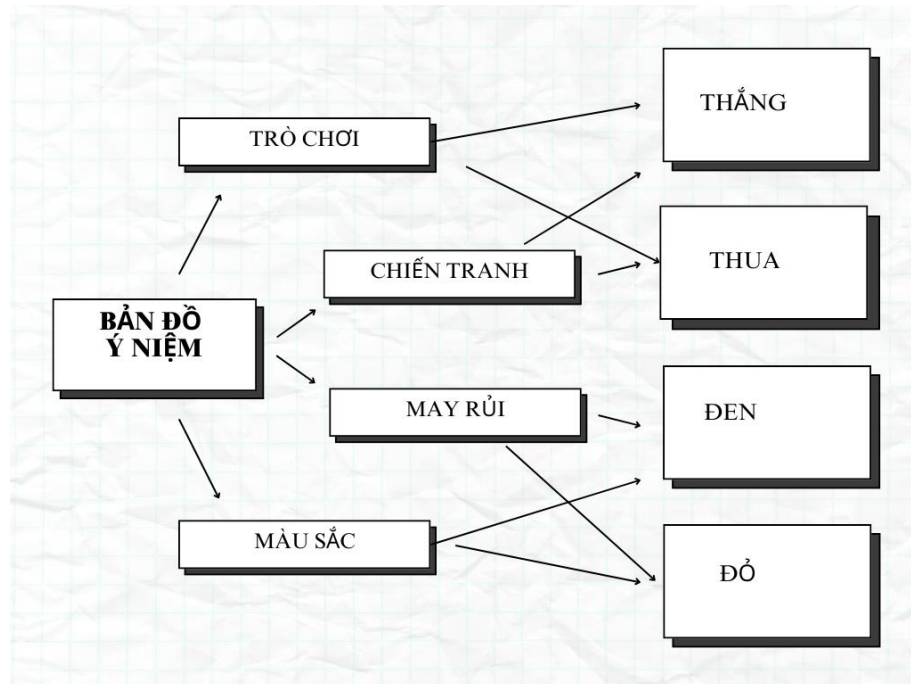
3.1. Bản đồ ý niệm

Ý niệm là một trong những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận. “Các đơn vị ngôn ngữ (từ, ngữ, kết cấu) đều biểu đạt (symbolizes/denotes) những ý niệm (concepts) và những ý niệm này đều tương ứng với các ý nghĩa (meanings) của những đơn vị ngôn ngữ đó” (Lý Toàn Thắng, 2009: 20). Theo quan điểm này, mỗi một ý niệm đều được biểu đạt qua một đơn vị ngôn ngữ nhất định và đều có một ý nghĩa nhất định. Điều này chứng tỏ rằng, toàn bộ hệ thống tri thức trong tâm trí con người là một hệ thống những ý niệm.

Ý niệm hình thành dựa trên sự trải nghiệm của con người. Con người cảm nhận về thế giới thông qua các giác quan gồm thị giác, tính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác. Chẳng hạn ý niệm chua, cay, mặn, ngọt hình thành dựa trên kinh nghiệm của vị giác; ý niệm âm thanh hình thành dựa trên kinh nghiệm về thính giác. Miền kinh nghiệm của chúng tạo ra các ý niệm và hệ thống chúng lại với nhau. “Hiểu được cách các ý niệm được hình thành, tổ chức và sử dụng chính là hiểu về cách chúng ta nhận thức và tương tác với thế giới thông qua ngôn ngữ và tư duy. Nhìn chung, trong ngôn ngữ học tri nhận, khái niệm “ý niệm” đóng vai trò trung tâm để giúp chúng ta hiểu cách ngôn ngữ và tư duy được kết nối với nhau và cách ý nghĩa được xây dựng thông qua hệ thống ý niệm của con người” (Rashidova, Sarvinoz, 2024: 39).

Ý niệm có mối quan hệ chiếu xạ với nhau, sự chiếu xạ đó tạo nên các mạng lưới có mối quan hệ tầng bậc. Nghĩa là có ý niệm sẽ có tính bao hàm với các ý niệm khác tạo thành một bản đồ. “Bản đồ ý niệm là sơ đồ biểu diễn các mối quan hệ có ý nghĩa giữa các ý niệm” (Watson, Gordon R. 1989: 265). Nghĩa là sự kết nối giữa những ý niệm với nhau bao giờ cũng có tính logic nhất định. Hãy cùng xét sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Bản đồ ý niệm



Nguồn: Tác giả khái quát

Bản đồ ý niệm trên được giải thích như sau: ý niệm TRÒ CHƠI sẽ là bậc 1, ý niệm THẮNG, THUA, ĐEN, ĐỎ sẽ là ý niệm bậc dưới (bậc 2) của ý niệm TRÒ CHƠI. Có thể coi tính tầng bậc đó là một bản đồ các ý niệm. Ý niệm THẮNG, THUA lại cũng là bậc dưới của ý niệm CHIẾN TRANH. Ý niệm ĐEN, ĐỎ lại cũng thuộc bậc dưới của ý niệm MAY RỦI và ý niệm MÀU SẮC. Chính tính tầng bậc này lại vô hình tạo nên sự kết nối giữa những ý niệm tưởng chừng như không liên quan đến nhau như TRÒ CHƠI, CHIẾN TRANH, MAY RỦI, MÀU SẮC. Hệ thống đó tạo nên thuộc tính liên kết chéo giữa ý niệm này với ý niệm khác trong tâm trí con người. “Một đặc điểm quan trọng khác của bản đồ ý niệm là thuộc tính liên kết chéo (cross-links). Đây là các mối quan hệ hoặc liên kết giữa các ý niệm trong các phân đoạn hoặc miền khác nhau của bản đồ ý niệm. Các liên kết chéo giúp chúng ta thấy cách một khái niệm trong một miền kiến thức được thể hiện trên bản đồ liên quan đến một ý niệm trong một miền khác cũng được thể hiện trên bản đồ. Trong quá trình tạo ra kiến thức mới, các liên kết chéo thường thể hiện những bước nhảy vọt sáng tạo của con người. Có hai đặc điểm của bản đồ ý niệm quan trọng trong việc tạo điều kiện cho tư duy sáng tạo: cấu trúc phân cấp được thể hiện trong một bản đồ và khả năng tìm kiếm và mô tả các liên kết chéo mới” (Novak, J. D. 2006: 2).

3.2. Ý niệm CẢM XÚC

Cảm xúc là một trong những biểu hiện nhân bản của con người. Các trạng thái cảm xúc liên quan đến những tác động của môi trường xung quanh đến con người. Tri nhận luận cho rằng cảm xúc có vai trò quan trọng đối với việc hình thành kinh nghiệm của con người.

Cảm xúc và các biểu hiện của cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các trải nghiệm và nhận thức của chúng ta (Nook & Somerville, 2019). Các trạng thái cảm xúc

mang tính động, phát triển từ thời thơ ấu đến tuổi trưởng thành và ảnh hưởng đến các trải nghiệm cảm xúc trong suốt cuộc đời (Nook & Somerville, 2019). Cảm xúc được xem là các hành vi tình cảm hướng đến đối tượng hoặc tình huống nhất định, được phân loại thành các mức độ và được thiết lập trên cơ sở văn hóa ví dụ như cảm xúc sợ hãi hoặc cảm xúc hạnh phúc (Scheve & Slaby, 2019). Lý thuyết nhận tri nhận cho rằng ý niệm cảm xúc bắt nguồn từ các hệ thống thần kinh tạo ra trạng thái vận động và trải nghiệm, đồng thời cũng có vị trí theo hoàn cảnh sống của con người (Winkielman và cộng sự, 2018). Một số nghiên cứu chỉ ra rằng ý niệm cảm xúc có cấu trúc nội tại bên trong, một số dạng cảm xúc có tính điển hình và một số trạng thái cảm xúc sẽ không có ranh giới rõ ràng (Fehr & Russell, 1984). Quan điểm nguyên mẫu này về ý niệm cảm xúc có ý nghĩa đối với việc nhận diện cảm xúc dựa trên khoa học và quan niệm dân gian của một dân tộc (Fehr & Russell, 1984).

Bản thân ý niệm cảm xúc có một hệ thống tôn ti của nó. Trang helloworld.com đã đưa ra các dạng cảm xúc cơ bản của con người là:

Vui vẻ: Cảm giác hạnh phúc, phấn khởi, háo hức.

Buồn bã: Cảm giác chán nản, thất vọng, mất hy vọng, buồn, cô đơn.

Ghê tởm: Cảm giác không thích, ghê sợ, kinh tởm, sợ hãi.

Tình yêu: Cảm giác yêu thương, quan tâm, từ bi, tình cảm sâu sắc.

Bất ngờ: Cảm giác bất ngờ, ngạc nhiên, kinh ngạc.

Lo lắng: Cảm giác lo lắng, căng thẳng, bận tâm.

Hứng thú: Cảm giác hứng thú, tò mò, quan tâm.

Cảm xúc là trạng thái tâm lý phản ánh nội tâm của con người, bao gồm cảm nhận, tư duy và phản ứng cơ thể. Sự đa dạng của cảm xúc cũng có cơ chế sinh học nhất định. Bởi vì mọi tác động từ xung quanh sẽ tạo nên cảm xúc của con người. Mặc dù, tùy từng đặc điểm tính cách, thể trạng, sức khỏe sẽ có các phản ứng khác nhau song cảm xúc sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý, nhận thức của con người. Trang helloworld.com đã giới thiệu bốn giai đoạn hình thành cảm xúc như sau:

(1) Sự kích thích: Cảm xúc thường được kích thích bởi các yếu tố ngoại vi hoặc nội tại. Những yếu tố ngoại vi có thể là âm thanh, hình ảnh, sự tiếp xúc với người khác hoặc môi trường xung quanh. Các yếu tố nội tại bao gồm suy nghĩ, ký ức và trạng thái cơ thể.

(2) Phản ứng sinh lý: Khi một cảm xúc được kích hoạt, cơ thể phản ứng sinh lý tự động. Đây là quá trình tự động và không thể kiểm soát, bao gồm nhịp tim tăng nhanh, hô hấp nhanh, tăng cường tuần hoàn máu và sự kích thích của hệ thần kinh.

(3) Đánh giá và xử lý thông tin: Cảm xúc có liên quan đến việc đánh giá và xử lý thông tin. Mỗi cảm xúc có một mức độ đánh giá khác nhau về tính chất của sự kiện hoặc tình huống. Đánh giá này có thể dựa trên các giá trị cá nhân, kinh nghiệm trước đó và quan điểm cá nhân.

(4) Biểu hiện và kết quả: Cảm xúc thường được biểu hiện thông qua biểu cảm khuôn mặt, cử chỉ, giọng nói và ngôn ngữ cơ thể. Biểu hiện này có thể giúp truyền tải thông điệp cảm xúc cho người khác và tạo ra phản ứng xã hội.

Thực tế thì cảm xúc là một khái niệm trừu tượng. Trong cuộc sống hàng ngày, con người sẽ trải qua rất nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau. “Cảm xúc cảm xúc của chúng ta phản ánh khả năng trải nghiệm một cách chủ quan các trạng thái nhất định của hệ thần kinh” (Anksepp, Jaak, 2005). Theo Scherer (2005), có năm yếu tố quan trọng của cảm xúc. Từ quan điểm quá trình thành phần, kinh nghiệm cảm xúc đòi hỏi tất cả các quá trình này trở nên phối

hợp và đồng bộ hóa trong một khoảng thời gian ngắn, được thúc đẩy bởi các quy trình thẩm định. Mặc dù việc đưa vào đánh giá nhận thức là một trong những yếu tố gây tranh cãi, vì một số nhà lý thuyết đưa ra giả định rằng cảm xúc và nhận thức là riêng biệt nhưng là hệ thống tương tác, CPM cung cấp một chuỗi các sự kiện mô tả hiệu quả sự phối hợp có liên quan trong giai đoạn cảm xúc.

Đánh giá nhận thức: cung cấp một đánh giá về các sự kiện và đối tượng.

Triệu chứng cơ thể: thành phần sinh lý học của trải nghiệm cảm xúc.

Xu hướng hành động: một thành phần tạo động lực cho việc chuẩn bị và định hướng phản ứng của động cơ.

Biểu hiện: biểu hiện trên khuôn mặt và giọng nói hầu như luôn đi kèm với trạng thái cảm xúc để truyền đạt phản ứng và ý định hành động.

Cảm giác: trải nghiệm chủ quan của trạng thái cảm xúc một khi nó đã xảy ra.

Tình cảm là một dạng phản ánh tâm lý - phản ánh cảm xúc. Sự phản ánh cảm xúc, ngoài những đặc điểm giống với sự phản ánh nhận thức - đều là sự phản ánh hiện thực khách quan, đều mang tính chủ thể và có bản chất lịch sử xã hội. Tình cảm là một phạm trù trừu tượng, nó được bộc lộ qua những trạng thái khác nhau của con người.

4. Kết quả khảo sát

4.1. Thuộc tính của miền nguồn NƯỚC, LỬA

a) Những thuộc tính của miền nguồn NƯỚC

Mỗi một miền ý niệm bao giờ cũng có các thuộc tính riêng của nó. Chính những thuộc tính này là cơ sở để tạo nên sự chiếu xạ. Trong ngũ hành, Thủy là nước, thuộc âm, có tính mềm mại, dễ thích nghi với hoàn cảnh. Hành thủy tuy mềm nhưng chứa đựng sức mạnh nội tại bên trong cho nên thủy khi hiền hòa là mặt nước êm dịu, khi dữ dội là bão lũ ghê gớm. Ý niệm NƯỚC là một miền nguồn có tính phổ quát bởi vì nước là một trong những thứ rất quan trọng đối với cuộc sống con người. Chúng ta không thể sống mà thiếu nước. Từ tầm quan trọng đó, cùng với sự đóng góp của nó trong việc hình thành nên thói quen, lối sống, tập quán của con người ý niệm nước tồn tại trong tâm thức của người Việt rất sâu sắc. Số lượng những câu thành ngữ, tục ngữ có yếu tố chỉ nước khá lớn. Thông qua việc thống kê, các thuộc tính của ý niệm nước hiện lên khá phong phú và được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1: Các thuộc tính của miền nguồn NƯỚC

STT	Dụ dẫn	Số lượng	Tỉ lệ % (trên 1046)
	Định danh nước		
	Nước	161	15,3
	Thủy	14	1,3
	Tính chất của nước		
	Trong	72	6,8
	Đục	23	2,1
	Nóng	16	1,5
	Lạnh	5	0,4
	mát	28	2,6
	Hương vị của nước		
	Lạt/nhạt	14	1,3

Mặn	10	0,9
Ngọt	23	2,1
Hoạt động của nước		
chìm	7	0,6
Nổi	22	2,1
Trôi	23	2,19
Chảy	22	2,1
Dạt	3	0,2
Đổ	77	7,3
Đầy	44	4,2
Vơi	5	0,4
Dạng tồn tại của nước		
Giọt	6	0,5
dòng	7	0,6
sóng	23	2,19
mưa	118	11,2
Sương	16	1,5
Phương tiện chứa nước		
Ao	206	19,6
Sông	57	5,4
Hồ	28	2,6
Suối	9	0,8
Biển	22	2,1
Giếng	19	1,8
Tổng	1046	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ý niệm nước có 6 thuộc tính cơ bản, đó là tên gọi định danh, tính chất, hương vị, hoạt động, các dạng tồn tại. Mỗi thuộc tính lại có số lượng dụ dẫn ẩn dụ nhất định. Trong đó, dụ dẫn gọi tên nước chiếm số lượng lớn nhất là gọi tên trực tiếp nước (161 lần), phương tiện chứa nước ao (206 lần), tính chất trong (72 lần), hoạt động đổ (77 lần), mưa (118 lần),... Trong mỗi một biểu thức ngôn từ, không phải tất cả các thuộc tính này cùng chiếu xạ mà chỉ có những thuộc tính phù hợp với miền đích thì mới tạo nên tia chiếu xạ tương ứng.

b) Những thuộc tính của miền nguồn LỬA

Theo thuyết Ngũ hành thì vạn vật trên vũ trụ đều được tạo ra từ 5 hành tố gồm kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Ngũ hành là sự vận động, chuyển hóa các chất trong thiên nhiên và của phủ tạng trong cơ thể. Mỗi yếu tố này đều có sự tác động qua lại lẫn nhau và có tính chất riêng. Hỏa có thể đem lại ánh sáng, hơi ấm và hạnh phúc, hoặc có thể tuôn trào, bùng nổ và sự bạo tàn. Ở khía cạnh tích cực, Hỏa tiêu biểu cho danh dự và sự công bằng. Ở khía cạnh tiêu cực, Hỏa tượng trưng cho tính gây hấn và chiến tranh. Là khắc tinh của Kim và là hành sinh ra Thổ. Điều này lí giải tại sao ý niệm lửa lại xuất hiện trong suy nghĩ, nói năng của người Việt. Thành ngữ, tục ngữ là những đúc kết của người xưa cho nên ý niệm lửa xuất hiện khá nhiều. Ý niệm này có những thuộc tính đặc trưng của nó được thể hiện trong bảng thống kê sau:

Bảng 2: Các thuộc tính của miền nguồn LỬA

STT	Dụ dẫn	Số lượng	Tỉ lệ % (trên 280)
	Thực thể lửa		
	Lửa	38	13,5
	Màu sắc của lửa		
	Đỏ	13	4,6
	Hoạt động của lửa		
	Cháy	32	11,4
	Thiêu	4	1,4
	Đốt	16	5,7
	Tính chất của lửa		
	Nóng	13	4,6
	Khói	9	3,2
	Trạng thái của lửa		
	Tàn	5	1,7
	Tắt	15	5,3
	Bén	13	4,6
	Tác động của lửa		
	Bỏng	8	2,8
	Nổ	9	3,2
	Rát	7	2,5
	Sôi	8	2,8
	Nguyên liệu của lửa		
	Rơm	17	6,0
	Nhang	3	1,0
	Dầu	18	6,4
	Đóm	9	3,2
	Phương tiện tạo lửa		
	Đèn	27	9,6
	Đóng/đóng lửa	5	1,7
	Gió	11	3,9
	Tổng	280	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

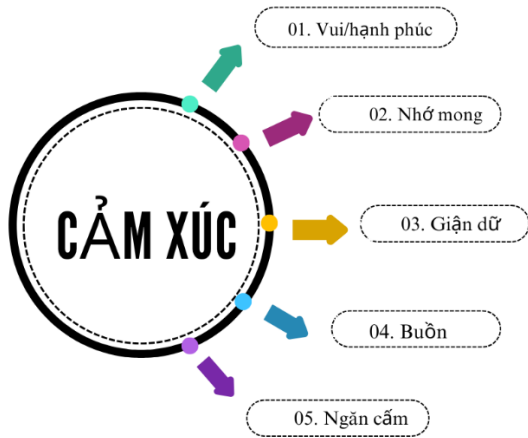
Miền nguồn LỬA trong thành ngữ, tục ngữ có tám thuộc tính cơ bản là thực thể lửa, màu sắc, hoạt động, tính chất, trạng thái, tác động, nguyên liệu, phương tiện. Trong từng thuộc tính, các dụ dẫn ẩn dụ xuất hiện với tỉ lệ khác nhau. Thực thể lửa xuất hiện 38 lần; hoạt động cháy 32 lần; tính chất nóng xuất hiện 13 lần; trạng thái tắt của lửa xuất hiện 15 lần; tác động của lửa với số lần xuất hiện của các dụ dẫn ẩn dụ bỏng, nổ, rát, sôi xuất hiện tương đối đồng đều nhau; nguyên liệu tạo lửa rơm xuất hiện 17 lần, dầu 18 lần; nguyên liệu tạo lửa đèn 27 lần. Từng miền tri nhận này xuất hiện trong các ẩn dụ ý niệm có miền nguồn lửa khác nhau, tùy từng miền đích mà thuộc tính nào trở nên tiêu biểu và điển hình.

4.2. Ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ NƯỚC

a) Ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ NƯỚC có miền đích là CẢM XÚC, miền nguồn là NƯỚC.

Ý niệm ý chiếu xạ đến ý niệm CẢM XÚC và làm cho miền đích này trở nên rõ nghĩa. Thông qua khảo sát, thuộc tính của miền đích CẢM XÚC được thể hiện trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 2. Thuộc tính của miền đích cảm xúc



Nguồn: Tác giả thực hiện

Cảm xúc được cụ thể hóa thành những dạng cụ thể là vui, buồn, giận dữ, ngăn cấm. Chúng được chiếu xạ bởi miền nguồn nước và được cụ thể hóa thành sơ đồ chiếu xạ sau:

Bảng 3: Sơ đồ chiếu xạ ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ NƯỚC

Miền đích CẢM XÚC	Chiếu xạ	Miền nguồn NƯỚC
Cảm xúc vui	<=	Sinh vật được ở trong nước
Cảm xúc chờ mong	<=	Thiếu nước/đợi nước
Cảm xúc thất thường	<=	Sự thay đổi của các trạng thái nước
Cảm xúc giận dữ	<=	Hoạt động với nước
Cảm xúc buồn	<=	Hiện tượng thời tiết liên quan đến nước
Cảm xúc bị ngăn cấm	<=	Ngăn cản dòng nước

Nguồn: Tác giả tổng hợp

b) Dụ dẫn ẩn dụ CẢM XÚC LÀ NƯỚC

* *Sinh vật được ở trong nước => cảm xúc vui*

Cá gặp nước; rồng gặp mây

Câu tục ngữ này nói về một hiện thực, môi trường sống của cá là nước giống như rồng phải ở trên mây, nơi bầu trời cao rộng. Từ nghĩa thực này, nó chiếu xạ đến niềm vui, niềm hạnh phúc khi gặp đúng người, ở đúng nơi và gặp cơ hội thuận lợi trong cuộc sống. Sự chiếu xạ nằm ở lớp nghĩa đen của câu tục ngữ, nó dựa trên kinh nghiệm sống của con người. Tục ngữ còn có câu *cá nước sum vầy* cũng biểu thị thuộc tính chiếu xạ này. Thành ngữ cũng có một cách nói tương tự là *như cá gặp nước*.

* *Thiếu nước/đợi nước => cảm xúc chờ mong*

Như hạn mong mưa

Thông thường khi đã hạn thì rất mong có mưa. Hạn là một hiện tượng thời tiết khá phổ

biến vào mùa khô ở các nước nhiệt đới. Đây cũng là cơ sở hiện thực để tạo nên sự chiếu xạ đến tâm trạng mong mỏi được gặp gỡ. Đó có thể là hai người yêu nhau mong gặp nhau, hai người có liên quan về công việc mong muốn được gặp gỡ hoặc mong mỏi một tin tức, một việc gì đó.

* *Sự thay đổi của các trạng thái nước => Cảm xúc thất thường*

Rày gió mai mưa hoặc sớm nắng chiều mưa

Nắng, gió, mưa là những hiện tượng thời tiết thông thường diễn ra bất ngờ trong cuộc sống. Trong đó, mưa là một dạng thức tồn tại của nước. Mưa là một hiện tượng tự nhiên, xảy ra do sự ngưng tụ của hơi nước trên bầu trời, dưới dạng những đám mây, khi gặp điều kiện lạnh, tạo thành giọt nước, nặng hơn không khí, và rơi xuống mặt đất, tạo thành cơn mưa. Sự thay đổi thất thường của gió của mưa chiếu xạ đến hiện tượng cảm xúc thay đổi thất thường. Câu thành ngữ *sớm nắng chiều mưa* cũng nằm trong thuộc tính chiếu xạ đó.

* *Hoạt động với nước => cảm xúc giận dữ*

Chửi như tát nước

Câu thành ngữ được cấu tạo bởi cấu trúc so sánh. Trong đó *chửi* là vế được so sánh và *tát nước* là vế so sánh. Dụ dẫn ẩn dụ nằm ở vế thứ hai. Hoạt động *tát nước* làm hình ảnh chiếu xạ cho hành động *chửi*. Chửi là biểu hiện của sự giận dữ. Cơ sở nghiệm thân của sự chiếu xạ này bắt nguồn từ thực tế lao động. Khi tát nước, một lượng nước lớn sẽ được chuyển từ chỗ này sang chỗ kia với lực nhanh và mạnh. Vậy thì thuộc tính của nhanh, mạnh, nhiều đã được sử dụng để tạo ra tia chiếu xạ từ hành động tát nước đến hành động chửi bởi khi giận dữ.

Tức nước vỡ bờ

Thành ngữ *Tức nước vỡ bờ* bắt nguồn từ hiện thực lao động. Khi nước quá nhiều, lượng nước và lực nước đủ mạnh sẽ gây hiện tượng vỡ bờ ngăn để tràn ra nơi khác. Nghĩa bóng của câu thành ngữ này là khi sự chịu đựng của con người bị đẩy đến giới hạn cực đoan, buộc họ phải vùng lên phản kháng quyết liệt. Trạng thái cực đoan ấy chính là sự tức giận. Thuộc tính quá sức chịu đựng của một giới hạn, sức tràn của nước đã tạo nên hiệu quả chiếu xạ cho dụ dẫn ẩn dụ này.

* *Hiện tượng thời tiết liên quan đến nước => cảm xúc buồn*

Khóc như mưa

Khóc như mưa là một thành ngữ thường được sử dụng trong khẩu ngữ. Đây là một thành ngữ so sánh. Mưa là một hiện tượng tự nhiên, đó cũng là một dạng tồn tại của nước. Lượng nước ở mỗi lần mưa thường nhiều, lượng mưa được sử dụng để tri nhận đến tâm trạng buồn của con người. Tương tự như thế, câu thành ngữ *nước mắt như mưa, nước mắt ngấn nước mắt dài* cũng có chung cơ chế chiếu xạ này.

* *Ngăn cản dòng nước => sự ngăn cấm cảm xúc*

Ngăn sông cấm chợ

Câu thành ngữ *ngăn sông cấm chợ* có nghĩa là ngăn cấm một sự việc, một tình cảm nào đó. Xuất phát từ việc nếu sông bị ngăn thì dòng chảy sẽ bị ngáng trở. Hiện thực đó chiếu xạ đến tình trạng bị ngăn cấm.

4.3. Ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ LỬA

a) Khung tri nhận

Ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ LỬA có miền đích là CẢM XÚC.

Khung tri nhận của ý niệm cảm xúc như sau:

CẢM XÚC <= TÌNH CẢM <= CON NGƯỜI

Cảm xúc thuộc khung tri nhận của ý niệm tình cảm. Ý niệm tình cảm lại thuộc phạm trù của con người. Qua khảo sát tư liệu, chúng tôi khái quát được sơ đồ chiếu xạ như sau:

Bảng 4: Sơ đồ chiếu xạ ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ LỬA

CẢM XÚC	Chiếu xạ	LỬA
Cảm xúc nhớ mong	<=	Hoạt động cháy của lửa
Cảm xúc nguội lạnh	<=	Trạng thái tắt của lửa
Cảm xúc yêu thương bền lâu	<=	Sự trường tồn của lửa
Cảm xúc thù địch	<=	Sự triệt tiêu lửa
Cảm xúc tức giận	<=	Lửa

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bốn tia chiếu xạ này thể hiện cách tư duy của người Việt về ý niệm cảm xúc trong thành ngữ, tục ngữ. Mỗi một biểu hiện của cảm xúc được tri nhận qua ý niệm lửa trở nên thật rõ ràng, dễ hiểu.

b) Dụ dẫn ẩn dụ CẢM XÚC LÀ LỬA

** Hoạt động cháy của lửa => cảm xúc nhớ mong*

Sự chiếu xạ từ thuộc tính của lửa đến tình yêu đôi lứa có tính phổ quát. Tình yêu trai gái có nhiều cung bậc, nhiều trạng thái, lửa thường chiếu xạ đến sự nhớ mong, chờ đợi. Trạng thái mong đợi đó được chiếu xạ bởi thuộc tính hoạt động của lửa.

Cháy gan cháy ruột

Cháy là hoạt động cơ bản của lửa, gan ruột là những bộ phận cơ thể người. Câu thành ngữ này có hai lớp ẩn dụ. Thứ nhất là ẩn dụ tu từ, cháy gan cháy ruột biểu đạt một trạng thái lo lắng, bồn chồn của con người. Thứ hai là từ ẩn dụ tu từ này nó tạo sự chiếu xạ đến thế giới cảm xúc của con người. Trong từng phát ngôn nó có thể quy chiếu đến nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau. Ví dụ như:

Chị nhớ anh đến *cháy gan cháy ruột*. (1)

Mẹ đi về khuya, bố lo lắng *cháy gan cháy ruột*. (2)

Ở biểu thức ngôn từ (1), *cháy gan cháy ruột* quy chiếu đến tình yêu, nó thuộc ẩn dụ ý niệm LỬA ĐÔI LÀ LỬA

Ở biểu thức ngôn từ (2), *cháy gan cháy ruột* quy chiếu đến cảm xúc bồn chồn, lo âu của con người. Nó thuộc ẩn dụ ý niệm CẢM XÚC LÀ LỬA.

Như vậy, với tư cách là một đơn vị tương đương với từ, trong từng biểu thức ngôn từ khác nhau, hiệu ứng chiếu xạ của thành ngữ cũng khác nhau.

Như ngồi trên đồng lửa

như đứng đồng lửa như ngồi đồng rơm

Đồng lửa với đặc tính nhiệt độ cao chiếu xạ đến trạng thái cảm xúc của con người biểu đạt tâm trạng bồn chồn, sốt ruột. Cũng dựa vào ngữ cảnh mà thành ngữ này chiếu xạ đến những trạng thái cảm xúc khác nhau:

Ví dụ ca dao có câu:

Nhớ ai bồi hổi bồi hồi
Như đứng đồng lửa như ngồi đồng rơm

Với kết hợp từ *nhớ ai* và sự chiếu xạ của thành ngữ *ngồi trên đống lửa* đã biểu đạt nỗi nhớ mong của những người đang yêu nhau.

Trong phát ngôn: Con bị đưa vào phòng cấp cứu, chị *như ngồi trên đống lửa*. Lúc này thành ngữ *như Ngồi trên đống lửa* lại chiếu xạ đến tâm trạng bồn chồn, lo âu của người mẹ.

* *Trạng thái tắt của lửa => cảm xúc nguội lạnh*

Có trăng quên đèn

Trăng là ánh sáng của tự nhiên, đèn sáng là nhờ có hoạt động đốt cháy của lửa. Ánh sáng của trăng bao giờ cũng sáng đẹp hơn ánh sáng của đèn. Có ánh trăng sáng lại quên đi ánh đèn. Đặc điểm này chiếu xạ đến sự thay đổi, câu thành ngữ vì thế có ý mỉa mai những người tính tình bạc bẽo, mau thay lòng đổi dạ. Mà sự thay đổi đó là kết quả của sự nguội lạnh trong tình yêu đôi lứa.

Tắt lửa lòng

Câu thành ngữ có hai tầng ẩn dụ, thứ nhất là ẩn dụ tu từ nằm ở kết hợp từ *lửa lòng*. Sở dĩ có cách định danh như thế là bởi vì những cảm xúc thường tác động trực tiếp đến hệ tuần hoàn của con người. Chẳng hạn cảm xúc hồi hộp thường làm cho tim đập nhanh hơn, cảm xúc sợ hãi thường khiến cho người ta cảm thấy lạnh hơn,... *Tắt lửa* là hiện tượng ngọn lửa không cháy nữa, sự kết hợp và quy chiếu của các yếu tố ngôn từ nó chiếu xạ đến trạng thái tình cảm nguội lạnh.

* *Sự trường tồn của lửa => cảm xúc yêu thương bền lâu*

Ba sinh hương lửa/hương lửa ba sinh

Ba sinh có nghĩa là ba kiếp, hương lửa ba sinh có nghĩa là ngọn lửa cháy qua ba kiếp. Thuộc tính bền bỉ, lâu dài qua nhiều kiếp chiếu xạ đến sự gắn bó, thủy chung.

* *Sự triệt tiêu lửa => cảm xúc thù địch*

như nước với lửa

Theo ngũ hành, nước thuộc âm còn lửa thuộc dương. Nước có thể dập được lửa, vì thế mà nó luôn ở thế đối lập với nhau. Thuộc tính này chiếu xạ đến tình trạng đối lập, xung khắc gay gắt, không thể nào tương hợp được. Đó là cảm xúc thù địch được cụ thể hóa qua tính chất đối lập của nước và lửa.

Nước đổ đầu lửa tắt

Vẫn là thuộc tính dựa trên sự đối lập giữa nước và lửa, câu tục ngữ giúp chúng ta tri nhận về hiệu quả dập tắt lửa của nước. Đây là một sự đối lập ở mức trượt tiêu, nước làm cho lửa tắt tương tự như một tác động làm cho sự cãi nhau hay tranh luận dừng lại. Đó là cách diễn đạt về cảm xúc thù địch của con người dựa trên việc nước có thể triệt tiêu lửa.

* *Lửa => cảm xúc tức giận*

Thét ra lửa

Ở trạng thái tức giận, con người thường mất kiểm soát nên giọng nói trở nên gay gắt, âm thanh to hơn so với trạng thái thông thường ví dụ như thét lên, gào lên nhằm đe dọa, lấn át đối phương. Bản chất này giống như lửa, lửa có thể thiêu rụi mọi vật thể. Đây là cơ sở để tạo ra mối liên hệ giữa lửa và sự tức giận của con người. Thành ngữ *Thét ra lửa* có cơ sở nghiệm thân từ mối liên hệ đó. Nhờ có quá trình tri nhận mà nó biểu đạt nét nghĩa là sự tức giận của con người. Thành ngữ là một cụm cố định, chính vì vậy bên cạnh nét nghĩa biểu đạt sự tức giận nó còn biểu đạt cho quyền lực. Song có thể phân biệt hai phạm trù chiếu xạ như sau:

- Miền nguồn lửa với sức nóng của nó khiến cho người ta khó chịu và muốn tránh xa, thuộc tính này chiếu xạ đến trạng thái tức giận. Tia chiếu xạ này thuộc về ẩn dụ ý niệm TỨC GIẬN LÀ LỬA.

- Miền nguồn lửa với thuộc tính thiêu rụi, lấn át tất cả các vật dụng tạo lửa, thuộc tính này

chiếu xạ đến quyền lực bởi vì quyền lực có khả năng khiến cho con người ta bị khuất phục. Tia chiếu xạ này thuộc về ẩn dụ ý niệm QUYỀN LỰC LÀ LỬA.

Như vậy, cùng một đơn vị thành ngữ, việc thuộc tính nào được chiếu xạ sẽ còn nằm trong mối liên quan đến miền đích. Miền nguồn sẽ có nhiều thuộc tính khác nhau, chỉ có những thuộc tính phù hợp với miền đích mới có thể tạo nên tia chiếu xạ để làm rõ nghĩa cho miền đích.

5. Kết luận

Ý niệm NƯỚC, LỬA là hai miền nguồn cùng chiếu xạ đến miền đích CẢM XÚC. Trong quan niệm văn hóa dân gian, nước và lửa là hai yếu tố thuộc ngũ hành gồm kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nước và lửa còn là hai cặp đối lập trong quan niệm âm dương. Điều thú vị là dù là hai ý niệm đối lập nhau, có thể loại trừ nhau nhưng lại cùng chiếu xạ đến một miền đích. Khi đặt hai miền nguồn nước, lửa cạnh nhau chúng ta thấy được miền đích cảm xúc được chiếu xạ theo những thuộc tính khác nhau. Các trạng thái cảm xúc được chiếu xạ bởi miền nguồn NƯỚC là: vui, buồn, giận dữ, chờ mong, thất thường, ngăn cấm; các trạng thái cảm xúc được chiếu xạ bởi miền nguồn LỬA là: nhớ mong, nguội lạnh, yêu thương, thù địch, tức giận. Có hai trạng thái cảm xúc cùng được chiếu xạ đến là giận dữ, mong (nhớ mong, chờ mong). Mặc dù cùng một trạng thái cảm xúc song các cung bậc của cảm xúc lại được chiếu xạ với những thuộc tính khác nhau. Điều này cho thấy sự tri nhận của con người luôn có tính liên tưởng nhiều chiều. Mỗi miền nguồn sẽ đem lại phương diện chiếu xạ khác nhau và cùng thể hiện đặc trưng tư duy của người Việt. Nước và lửa không chỉ thuộc âm dương, ngũ hành mà còn là những yếu tố quan trọng trong lao động sản xuất và trong đời sống con người. Chính vì vậy mà tất cả những đặc điểm của nước và lửa đã trở thành những miền ý niệm chiếu xạ đến ý niệm cảm xúc để miền đích ấy trở nên cụ thể, rõ ràng và dễ hiểu.

Tài liệu tham khảo

- Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Tri. (1993). *Tục ngữ Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Fehr, B., & Russell, J. A. (1984). Concept of emotion viewed from a prototype perspective. *Journal of experimental psychology: General*, 113(3), 464.
- Jaak Panksepp. (2005). Affective consciousness: Core emotional feelings in animals and humans. *Consciousness and Cognition*. Volume 14, Issue 1.
- Hoàng Tiến Tựu. (1999). *Văn học dân gian Việt Nam*. Nxb. Giáo dục.
- Hoàng Văn Hành. (2015). *Thành ngữ học tiếng Việt*. Nxb. Khoa học xã hội
- Lý Toàn Thắng. (2009). *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. Nxb. Phương Đông.
- Nguyễn Đức Dương. (2010). *Từ điển Tục ngữ Việt*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Xuân Hòa. (2012). “Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam nhìn từ góc độ ý niệm (có liên hệ với tiếng Nga và tiếng Anh)”. *Hội thảo quốc tế Việt Nam học*. Viện Khoa học xã hội Việt Nam: 719-730.
- Nook, E. C., & Somerville, L. H. (2019). *Emotion concept development from childhood to adulthood*. *Emotion in the Mind and Body*, 11-41.
- Novak, J. D. (2006). The theory underlying concept maps and how to construct them.
- Rashidova, Sarvinov. (2024). "THE TERM" CONCEPT" AS A BASIC CONCEPT OF COGNITIVE SEMANTICS. *European International Journal of Pedagogics* (2024): 38-42.
- Scherer KR (2005). What are emotions? And how can they be measured?. *Social Science Information*. 44 (4): 693–727.
- Von Scheve, C., & Slaby, J. (2019). *Emotion, emotion concept*. In *Affective societies*. Routledge.
- Watson, Gordon R. (1989). What is... concept mapping?. *Medical teacher* 11.3-4 : 265-269
- Winkielman, P., Coulson, S., & Niedenthal, P. (2018). *Dynamic grounding of emotion concepts*. *Philosophical Transactions of the Royal Society B. Biological Sciences*, 373(1752), 20170127.